

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách  
đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội  
Học kỳ II năm học 2022 - 2023**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo “*V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”;

Thực hiện theo hướng dẫn liên ngành số 62/HĐ-LN/LĐT BXH-GDĐT-TC-YT-BHXH ngày 09/01/20218 của sở lao động Thương binh và xã hội , Sở Giáo dục và Đào tạo, sở tài Chính, Sở y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh về thực hiện một số nội dung của nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của nghị quyết số 222/15/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ @Pnh 86 N§-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Quyết định số 292/2016/QĐ-UBND theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013. Nghị quyết 309/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về chính sách hỗ trợ một số đối tượng trẻ em hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh".

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ "về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ cho phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo".

Căn cứ quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND Thành phố Uông Bí “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGD&ĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 "Về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-PGDĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 "Về việc điều chỉnh giảm và cấp dự toán kinh phí không tự chủ năm 2023";

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-THTHĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023” của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, bổ sung của phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện miễn, giảm học phí đối tượng được hưởng chính sách xã hội.



Hôm nay, vào hồi 16h30' ngày 17/5/2023, Trường TH Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí tổ chức niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội kỳ II năm học 2022 - 2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo.

### 1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 25/25 đ/c;
- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Hữu Lam - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c: Hà Kiên Định - Chức vụ: PHT + CT công đoàn
- Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thu Hà - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c: Phạm Thị Ngọc - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân.

### 2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách về hỗ trợ chi phí học tập, của đối tượng thuộc diện được hưởng chế độ chính sách học kỳ II năm học 2022 - 2023 (theo biểu đính kèm)

2.2. Thời gian niêm yết 30 ngày: kể từ ngày 17/5/2023 đến hết ngày 17/6/2023.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng Thông báo của Trường TH Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thực hiện chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội kỳ II năm học 2022-2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua đ/c: Phạm Thị Ngọc - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn bản công khai thực hiện chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội kỳ II năm học 2022 - 2023 của trường từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 17h ngày cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán/.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

KẾ TOÁN

CHỦ TRÌ



Phạm Thị Ngọc



Hà Kiên Định



Phạm Thu Hà



Nguyễn Hữu Lam

Số: 86/QĐ-THTHĐ

Uông Bí, ngày 17 tháng 5 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Về việc công bố công khai thực hiện chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội Học kỳ II năm học 2022 - 2023**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo “*V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”;

Thực hiện theo hướng dẫn liên ngành số 62/HĐ-LN/LĐT BXH-GDĐT-TC-YT-BHXH ngày 09/01/20218 của sở lao động Thương binh và xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, sở tài Chính, Sở y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh về thực hiện một số nội dung của nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của nghị quyết số 222/15/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh NghP @Đnh 86 NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Quyết định số 292/2016/QĐ-UBND theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013. Nghị quyết 309/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về chính sách hỗ trợ một số đối tượng trẻ em hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh".

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ "về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ cho phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo".

Căn cứ quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND Thành phố Uông Bí “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGD&ĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 "Về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-PGDĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 "Về việc điều chỉnh giảm và cấp dự toán kinh phí không tự chủ năm 2023";

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-THTHĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023” của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.





Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, bổ sung của phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện miễn, giảm học phí đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc công khai thực hiện chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội học kỳ II năm học 2022-2023 theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội học kỳ II năm học 2022-2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Thời gian công khai kể từ ngày 17/5/2023 đến hết ngày 17/6/2023.

**Điều 3.** Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

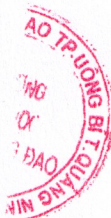
*Nơi nhận:*

- CB, GV, NV;
- Lưu.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Nguyễn Hữu Lam**







Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 18/05/2023 11:05:11  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: KBNN Ưông Bí - Quảng  
Ninh  
Nội dung: Đã hoàn thành thanh  
toán

Mẫu số: 05a  
Ký hiệu: C2-03/NS

Số: 55/ 230516\_1093960\_2812001

Năm NS: 2023

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG

Tạm ứng sang thực chi  Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT

Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Tài khoản: 9527.3.1093960

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Tại KBNN: KBNN Ưông Bí - Quảng Ninh

Căn cứ số dư tạm ứng  / Ứng trước  đến ngày 16/05/2023 Đề nghị Kho bạc Nhà nước:

Thanh toán số tiền đã tạm ứng  / Ứng trước chưa đủ ĐKTT  thành thực chi  / Ứng trước đủ ĐKTT  theo chi tiết sau:

STT	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Số dư tạm ứng	Số đề nghị thanh toán	Số KBNN duyệt thanh toán
1	6151	622	072	12	11.920.000	11.920.000	11.920.000
2	6157	622	072	12	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Tổng cộng					23.920.000	23.920.000	23.920.000

Tổng số đề nghị thanh toán ghi bằng chữ: Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

Ngày 16 tháng 05 năm 2023

**Kế toán trưởng**

Người ký: Phạm Thu Hà  
Ngày ký: 16/05/2023 08:44:05  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Phạm Thu Hà

**Thủ trưởng đơn vị**

Người ký: Nguyễn Hữu Lam  
Ngày ký: 16/05/2023 08:47:59  
Chức danh: Chủ tài khoản  
Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Nguyễn Hữu Lam

### PHÂN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Đồng ý thanh toán tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

### PHÂN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày 17 tháng 05 năm 2023

**Kế toán**

**Kế toán trưởng**

Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 17/05/2023 11:23:02  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: KBNN Ưông Bí - Quảng Ninh

Đinh Tiến Quân

**Giám đốc**

Người ký: Vũ Văn Sáu  
Ngày ký: 18/05/2023 08:38:54  
Chức danh: Phó giám đốc  
Đơn vị: KBNN Ưông Bí - Quảng Ninh

Vũ Văn Sáu



PHIẾU CHI TIỀN  
PAYMENT SLIP

Số No \_\_\_\_\_ Ngày Date 10/05/2023 Giờ Time 15:14:43

Mẫu số 28-VTB

Liên 2. Giao khách hàng (Copy 2, Customer Copy)

Tên khách hàng Customer's Name Lưu Thị Thanh Phương 022186005654 CN 05/07/2019 NC CTCSS QLHC ve TTXH

Địa chỉ Address \_\_\_\_\_

Số CCCD/CMND/HC ID/PP No \_\_\_\_\_

Ngày cấp Date of issue \_\_\_\_\_

Nơi cấp Place of issue \_\_\_\_\_

Điện thoại Contact Number \_\_\_\_\_

Mã số thuế Tax Code \_\_\_\_\_

Số tham chiếu Ref No 304B2350FA6PRQF8

Số tham chiếu SWIFT/Mã số Ref No/Security code 2370110306302199

Số tiền nhận được Receive amount 23,920,000 VND

Số tiền phí chưa có thể GTGT Charge excluding VAT 0 VND

Thuế suất GTGT VAT rate 10.00 %

Thuế GTGT VAT 0 VND

Tổng số tiền phí Total Fee Amount 0 VND

Số tiền thực nhận Net Amount 23,920,000 VND

Withdrawal Amount

- Ngoại tệ Foreign Currency \_\_\_\_\_

- VND Local Currency 23,920,000 VND

Tỷ giá mua Buy rate 1.0000000

Tỷ giá bán Sell rate 1.0000000



Mệnh giá Denomination	Số tờ Quantity	Thành tiền Amount	Mệnh giá Denomination	Số tờ Quantity	Thành tiền Amount
500,000VND	47	23,500,000			
200,000VND	2	400,000			
20,000VND	1	20,000			

Bảng kê tiền  
Denomination Slip

Tổng cộng Total amount 23,920,000 VND

Bằng chữ In words Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng.

Nội dung Remarks CHI TIEN

Khách hàng Customer  
Chữ ký, họ và tên Signature & full nameGiao dịch viên  
Teller  
hanhht2Kiểm soát viên  
Supervisor  
thangpnNgười phê duyệt  
Approver

PAYOUT A

*Lưu Thị Thanh Phương*

*[Signature]*



Số: 34/TTr-THTHĐ

Uông Bí, ngày 15 tháng 02 năm 2023

### TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thẩm định danh sách học sinh hưởng hỗ trợ chi phí học tập, Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật  
Học kỳ II năm học 2022-2023

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí

Căn cứ Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động TB&XH; Bộ Tài chính quy định về chính sách đối với người khuyết tật; Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 8/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ nội vụ, Bộ Tài chính; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ hỗ trợ chính sách cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; Nghị Định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị Định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; Hướng dẫn số 3900/HD-SGDĐT ngày 27/12/2021 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện một số chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục qui định tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi rà soát và thẩm định hồ sơ của các đối tượng tại trường. Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo kính trình Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt danh sách và hỗ trợ kinh phí chi phí học tập, Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật học kỳ II năm học 2022-2023 cho nhà trường, cụ thể:

- Tổng số đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị Định 81/2021/NĐCP: 12 đối tượng; số tiền 9.000.000 đồng.
- Tổng số đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND: 04 đối tượng; số tiền 3.000.000 đồng.
- Tổng số đối tượng được hỗ trợ học bổng, chi phí học tập theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC: 02 đối tượng; số tiền 11.920.000 đồng.

- Tổng số tiền hỗ trợ 3 mục là: 23.920.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.)

(Có danh sách kèm theo)

Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo kính trình Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT (02).

HIỆU TRƯỞNG  
RƯỜNG  
TIỂU HỌC  
TRẦN HƯNG ĐẠO  
UÔNG BÍ  
Quảng Ninh

Nguyễn Hữu Lam

Số: ...../QĐ-THTHĐ

Uông Bí, ngày 15 tháng 02 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ chính sách học bổng theo quy định

Học kỳ II năm học 2022-2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN HƯNG ĐẠO

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Quy, Bộ tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thực hiện một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội-Sở Tài chính-Sở Y tế- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của của bộ phận kế toán và chuyên môn nhà trường;



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Tổ thẩm định các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định học kỳ II năm học 2022-2023, gồm các ông (bà) có tên sau:

- Ông Nguyễn Hữu Lam, Hiệu Trưởng - Phụ trách - Tổ trưởng;
- Ông Hà Kiên Định, Phó hiệu trưởng - Thành viên;
- Bà Lưu Thị Thanh Phương, Chủ tịch CĐ trường - Thành viên;
- Bà Phạm Thu Hà, Tổ trưởng tổ VP + Kế toán - Thành viên;
- Bà Bùi Thị Thùy Liên, Tổ Trưởng tổ 1+2 - Thành viên;
- Bà Trần Thị Huệ, Tổ Trưởng tổ 3+4+5 - Thành viên;
- Bà Bùi Thị Thu Hà, Tổ phó tổ 1+2 - Thành viên;
- Bà Trần Thị Tuyết Mai, Tổ phó tổ 3+4+5 - Thành viên;
- Bà Phạm Thị Nhung, Thư ký trường - Thành viên;

**Điều 2.** Tổ thẩm định có nhiệm vụ kiểm tra các hồ sơ và duyệt mức hỗ trợ cho từng đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định hiện hành. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Tổ trưởng phân công.

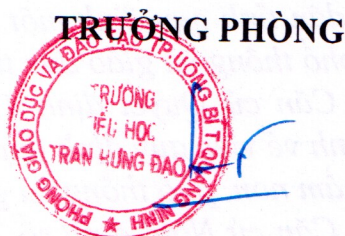
Thời gian làm việc: 01 ngày (ngày 15/02/2023).

Địa điểm làm việc: Văn phòng Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.

**Điều 3.** Tổ công tác Trường tiểu học Trần Hưng Đạo; các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT (01).



**Nguyễn Hữu Lam**

Số: 33/TB-THTHĐ

Thanh Sơn, ngày 15 tháng 02 năm 2023

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

**Học sinh học tại trường được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ chính sách học bổng theo quy định**

**Học kỳ II năm học 2022-2023**

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động thương binh xã hội Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thực hiện một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của Sở Lao động TB&XH - Sở Tài chính - Sở Y tế - Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào biên bản thẩm định hồ sơ học sinh đang học tại trường được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định học kỳ II năm học 2022-2023 ngày 15/02/2023 của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.

Hôm nay, hồi 17 giờ 15 phút ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí.



**Nội dung:**

Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ các đối tượng cụ thể như sau:

- a. Số lượng hồ sơ thẩm định: 18 hồ sơ
- b. Số lượng hồ sơ không đủ điều kiện hưởng chế độ chính sách: 0 hồ sơ
- c. Tổng kinh phí là: **23.920.000đ (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).**

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Trên đây là kết quả Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ chế độ chính sách của học sinh của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như PGDDĐT;
- Lưu: VT (01).

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Hữu Lam**

Uông Bí, ngày 15 tháng 02 năm 2023

## BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

**Các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục  
được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa  
và hỗ trợ chính sách học bổng theo quy định Học kỳ II năm học 2022-2023**

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động thương binh xã hội Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thực hiện một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của Sở Lao động TB&XH - Sở Tài chính - Sở Y tế - Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ hồ sơ các đối tượng được hưởng chính sách Hỗ trợ chi phí học tập, Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật theo quy định học kỳ II năm học 2022-2023.

Hôm nay, hồi 16 giờ 30 phút ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Văn phòng Trường TH Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, Tổ thẩm định hồ sơ gồm có:

- Ông Nguyễn Hữu Lam, Hiệu Trưởng - Phụ trách - Tổ trưởng;
- Ông Hà Kiên Định, Phó hiệu trưởng - Thành viên;





- Bà Lưu Thị Thanh Phương, Chủ tịch CĐ trường - Thành viên;
- Bà Phạm Thu Hà, Tổ trưởng tổ VP + Kế toán - Thành viên;
- Bà Bùi Thị Thùy Liên, Tổ Trưởng tổ 1+2 - Thành viên;
- Bà Trần Thị Huệ, Tổ Trưởng tổ 3+4+5 - Thành viên;
- Bà Bùi Thị Thu Hà, Tổ phó tổ 1+2 - Thành viên;
- Bà Trần Thị Tuyết Mai, Tổ phó tổ 3+4+5 - Thành viên;
- Bà Phạm Thị Nhung, Thư ký trường - Thành viên;

**I. Nội dung làm việc:**

Tổ thẩm định hồ sơ đã tiến hành xem xét, kiểm tra hồ sơ các đối tượng, cụ thể như sau:

- Số lượng hồ sơ tiếp nhận: 18 hồ sơ
- Số lượng hồ sơ thẩm định: 18 hồ sơ

Trong đó:

Số TT	Hưởng chính sách	Số hồ sơ (số đối tượng)		
		CSGD công lập	CSGD ngoài công lập	Cộng
1	Hỗ trợ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021/NĐ-CP của Chính Phủ.	12	0	12
2	Hỗ trợ theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT.	6	0	6
3	Hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động thương	2	0	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định về thủ tục, điều kiện đối với đối tượng được Hỗ trợ chi phí học tập, Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật theo quy định học kỳ II năm học 2022-2023 tổ thẩm định hồ sơ đã thẩm định toàn bộ 18 hồ sơ và thống nhất đánh giá hồ sơ như sau:

a. Số lượng hồ sơ đủ điều kiện hưởng chế độ: 18 hồ sơ, cụ thể như sau:

Số TT	Hưởng chính sách	Số hồ sơ (số đối tượng)		
		CSGD công lập	CSGD ngoài công lập	Cộng
1	Hỗ trợ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021/NĐ-CP của Chính Phủ.	12	0	12
2	Hỗ trợ theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT.	4	0	4
3	Hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động thương	2	0	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>

b. Số lượng hồ sơ không đủ điều kiện hưởng chế độ chính sách: 0 hồ sơ

## II. Kết luận của Tổ thẩm định:

Qua thẩm định hồ sơ chế độ chính sách của học sinh ở các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập là các đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020, Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019, Quyết định 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019, Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021, Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021. Tổ thẩm định thống nhất đề nghị Phòng giáo dục đào tạo thành phố Uông Bí phê duyệt danh sách hỗ trợ chi phí học tập, Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật theo quy định học kỳ II năm học 2022-2023 cho học sinh:

- Tổng số đối tượng: 18 học sinh.

- Tổng kinh phí là: **23.920.000 đồng** (*bằng chữ: Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*).

Biên bản hoàn thành hồi 17 giờ 15 phút cùng ngày. Các thành viên tổ thẩm định hồ sơ nhất trí ký tên.

THƯ KÝ

Phạm Thị Nhung

TỔ TRƯỞNG TỔ THẨM ĐỊNH  
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Lam

## CÁC THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH

Hà Kiên Định

Lưu Thị Thanh Phương

Phạm Thu Hà

Bùi Thị Thùy Liên

Bùi Thị Thu Hà

Trần Thị Huệ

Trần Thị Tuyết Mai



Số: 235/TB-PGDĐT

Uông Bí, ngày 06 tháng 3 năm 2023

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ**  
**Các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục**  
**được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa**  
**và hỗ trợ chính sách học bổng theo quy định Học kỳ II năm học 2022-2023 và**  
**bổ sung học kỳ I năm 2022 - 2023**

Kính gửi: Các đơn vị trường học trên địa bàn

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động thương binh xã hội Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thực hiện một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của Sở Lao động TB&XH - Sở Tài chính - Sở Y tế - Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào biên bản thẩm định hồ sơ số 225/BB-PGDĐT ngày 03/03/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ chính sách học bổng theo quy định Học kỳ II năm học 2022-2023 và bổ sung học kỳ I năm học 2022 - 2023.

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 phút ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí thông báo kết quả thẩm định hồ sơ các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ chính sách học bổng theo quy định Học kỳ II năm học 2022-2023 và Bổ sung học kỳ I năm 2022 – 2023 cụ thể như sau:

### **I. Chỉ đạo và tiếp nhận hồ sơ:**

Ngày 14/02/2023 Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ra văn bản số 135/PGDDĐT về việc nộp hồ sơ học sinh hưởng chế độ chính sách kỳ II năm học 2022 - 2023.

Sau khi triển khai văn bản Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tiếp nhận tổng số hồ sơ các đơn vị nộp về : 419 hồ sơ

### **II. Kết quả sau khi thẩm định**

Tổ thẩm định hồ sơ đã tiến hành xem xét, kiểm tra từng hồ sơ của các đơn. Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định về thủ tục, điều kiện đối với đối tượng được hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ chính sách học bổng, tổ thẩm định hồ sơ đã thẩm định toàn bộ 419 hồ sơ trong đó có 409 hồ sơ đạt yêu cầu được hưởng hỗ trợ và 10 hồ sơ không đạt cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021/NĐ-CP của Chính Phủ. **181 học sinh**

1.1 *Bổ sung Học Kỳ I năm 2022 – 2023: 09 học sinh*

1.2 *Học kỳ II năm 2022 – 2023: 181 học sinh*

2. Hỗ trợ theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh; Hướng dẫn 2775/HDLN/ SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT: **211 học sinh**

3. Hỗ trợ Ăn trưa theo Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh; Nghị định 105/ 2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính Phủ: **13 học sinh**

4. Hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động thương binh xã hội: **04 học sinh**

1.1 *Hỗ trợ học bổng: 04 học sinh*

1.2 *Hỗ trợ mua đồ dùng học tập : 01 học sinh*

*( Có danh sách học sinh được hưởng kèm theo)*

Trên đây là thông báo kết quả thẩm định hồ sơ các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ chính sách học bổng theo quy định Học kỳ II năm học 2022-2023 và bổ sung học kỳ I năm 2022 - 2023. Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo để các đơn vị được biết./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT (01).





PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP UÔNG BÍ  
TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO

**DANH SÁCH**

**Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLDTBXH-BTC ngày 31/12/2013;  
Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021.**

(Kèm theo từ trình số: ...34.../TTr-THTHĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Học bổng			Hỗ trợ mua đồ dùng học tập			Tổng tiền được hỗ trợ	Ký, ghi rõ họ tên	Ghi chú
				Số tiền hỗ trợ	Số tháng	Cộng tiền hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Số tháng	Cộng tiền hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12
1	Hoàng Khánh Linh	2015	2A2	1.192.000	5	5.960.000				5.960.000	Lý Văn Thị Lý	
2	Hoàng Thị Dinh	2013	3A2	1.192.000	5	5.960.000				5.960.000	Lý Văn Thị Lý	
<b>Tổng cộng: 02 Học sinh</b>					<b>10</b>	<b>11.920.000</b>	<b>-</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>11.920.000</b>		

Ngày 15 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thu Hà

Nguyễn Hữu Lam



**DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP (HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023)**

Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021.

(Kèm theo từ trình số: ~~37~~.../Tr-Tr-THTHĐ ngày 15/02/2023 của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo)

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ký, ghi rõ họ tên	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021					
1	Bùi Anh Tuấn	2016	1A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
2	Nguyễn Trường Sơn	2014	1A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
3	Hà Đức Khoa	2016	1A3	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
4	Lê Thanh Bình	2014	2A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
5	Nguyễn Thịnh Vượng	2014	2A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
6	Hoàng Khánh Linh	2015	2A2		Điều 2, điểm g	150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe, gia đình hộ cận nghèo
7	Nguyễn Hà Anh	2015	2A3		Điều 2, điểm h	150.000	5	750.000	khuyết tật nặng	HS khuyết tật nặng (khác)
8	Tổng Khánh Chi	2014	3A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
9	Hoàng Thị Dinh	2013	3A2		Điều 2, điểm g	150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe, gia đình hộ cận nghèo
10	Lê Minh Quân	2013	3A2	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
11	Phạm Tiến Tài Đức	2013	3A3	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
12	Đào Hải Nam	2014	3A3	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
13	Nguyễn Thiện Nhân	2013	4A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
14	Phạm Bảo Minh	2011	5A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
15	Đặng Đức Long	2012	5A2		Điều 2, điểm h	150.000	5	750.000	khuyết tật nặng	HS khuyết tật nặng
16	Nguyễn Xuân Thủy	2012	5A3	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	gia đình khó khăn	HS KT trí tuệ - Nhe
<b>Tổng cộng: 16 Học sinh</b>								<b>12.000.000</b>		

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Phạm Thu Hà*

**Phạm Thu Hà**

Ngày 15 tháng 02 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**Nguyễn Hữu Lam**



**BIÊN BẢN**

**Về việc kết thúc niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách  
đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội  
Học kỳ I năm học 2021 - 2022**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo “*V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”;

Thực hiện theo hướng dẫn liên ngành số 62/HĐ-LN/LĐTĐBXH-GDĐT-TC-YT-BHXH ngày 09/01/2018 của sở lao động Thương binh và xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, sở tài Chính, Sở y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh về thực hiện một số nội dung của nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của nghị quyết số 222/15/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghp @Đnh 86 NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Quyết định số 292/2016/QĐ-UBND theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013. Nghị quyết 309/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về chính sách hỗ trợ một số đối tượng trẻ em hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh".

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ "về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ cho phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo".

Căn cứ quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND Thành phố Uông Bí “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGD&ĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 "Về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-PGDĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 "Về việc điều chỉnh giảm và cấp dự toán kinh phí không tự chủ năm 2023";

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-THTHĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023” của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.



Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, bổ sung của phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện miễn, giảm học phí đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

Hôm nay, vào hồi 8h30' ngày 19/6/2023, tại phòng họp của Trường TH Trần Hưng Đạo.

### 1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 25/25 đ/c;
- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Hữu Lam - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c: Hà Kiên Định - Chức vụ: PHT + CT công đoàn
- Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thu Hà - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c: Phạm Thị Ngọc - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân.

### 2. Nội dung:

Tiến hành lập biên bản kết thúc việc niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội Học kỳ II năm học 2022-2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo.

Trong thời gian niêm yết: kể từ ngày 17/5/2023 đến hết ngày 17/6/2023, không có tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thực hiện chế độ chính sách đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội Học kỳ II năm học 2022 – 2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo.

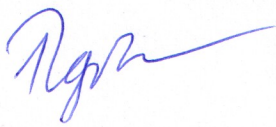
Việc tiến hành kết thúc niêm yết công khai được hoàn thành vào hồi 7h00' ngày 19/6/2023. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

KẾ TOÁN

CHỦ TRÌ



Phạm Thị Ngọc



Hà Kiên Định



Phạm Thu Hà



Nguyễn Hữu Lam